

Bắc Từ Liêm, ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Số: 29/2020/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 29/KDTM-ST ngày 11/6/2020, về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ: Phường Đ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D – Chức vụ: chuyên viên tố tụng ngân hàng SHB theo văn bản ủy quyền số 411 ngày 26/11/2019.

1.2 Bị đơn: Công ty P; Trụ sở : Phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Minh Đ – giám đốc công ty

1.3 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; CMTND 110241625 cấp ngày 25/6/2011 tại Công an thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phường T, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội.

- Ông Phan Đình P, Địa chỉ: Phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Chứng minh nhân dân số: 012114728 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 11/04/1998.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (vợ ông P); Địa chỉ: Phường V, tổ X, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng S, Công ty P; ông Phan Đình P – bà Nguyễn Thị N; bà Nguyễn Thị H đều xác nhận Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 11L2309/2011/HĐHM-PN/SHB.HN ngày 23/09/2011 giữa Ngân hàng S và Công ty P. Tính đến ngày 16/07/2020, nghĩa vụ nợ của Công ty P tại Ngân hàng S như sau:

Nợ gốc: 4.414.008.810 đồng

Nợ lãi quá hạn: 8.637.422.366 đồng

Tổng nghĩa vụ nợ: 13.051.431.176 đồng

2.2 Tài sản bảo đảm của khoản vay là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 466, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S136870 do UBND huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/04/2001 cho ông Nguyễn Trọng K. Ngày 29/08/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị H theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã Đan Phượng chứng thực ngày 13/08/2011. Bà Nguyễn Thị H cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của mình, hiện gia đình vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

+ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ căn hộ X, tầng 10, tòa nhà CT2-VIMECO, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC009209 do UBND quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/05/2010 cho ông Phan Đình P và vợ là bà Nguyễn Thị N. Ông Phan Đình P – bà Nguyễn Thị N cam đoan toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của mình, hiện gia đình vẫn đang sử dụng và quản lý, không có tranh chấp.

2.3 Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

-Ngân hàng S đồng ý phương án: Công ty P trả toàn bộ nợ gốc và một phần nợ lãi với tổng giá trị 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), để tất toán khoản vay và giải chấp hai tài sản bảo đảm. Thời gian thực hiện: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Lộ trình cụ thể: Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Công ty P trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), trong vòng 45 ngày tiếp theo Công ty P thanh toán phần tiền còn lại là: 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng). Ngân hàng S đồng ý miễn giảm số tiền lãi, phí còn lại cho Công ty P nếu nộp đủ số tiền theo phương án nêu trên (thời gian, lộ trình thực hiện) để tất toán khoản vay theo quy định của S và pháp luật.

-Trường hợp Công ty P không thực hiện nộp tiền theo phương án nêu trên, Ngân hàng S không đồng ý miễn, giảm lãi, phí cho Công ty P và Ngân hàng S được quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ

thanh toán khoản nợ, Công ty P có nghĩa vụ dùng mọi tài sản của mình để trả hết nợ cho Ngân hàng S Kể từ ngày S nộp đơn yêu cầu thi hành án đến ngày khoản vay của Công ty P được tất toán, Công ty P còn phải trả cho S số tiền lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

2.4. Trong khoảng thời gian Công ty P chưa thanh toán hết cho Ngân hàng S toàn bộ số nợ thì ông Phan Đình P – bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H cam kết giữ gìn tài sản bảo đảm nguyên trạng như hợp đồng thế chấp đã ký và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi khi Ngân hàng S thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm.

2.5. Về án phí: Công ty p tự nguyện chịu cả 60.525.715 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 60.077.417 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003621 ngày 11/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bắc Từ Liêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Nga